

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Phụ lục

"Tiêu chí đánh giá hoạt động Khoa học và Công nghệ hàng năm"
của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN, ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành về việc quy định quyền hạn, nhiệm vụ của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Đại học Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-ĐHĐN ký ngày 10 tháng 01 năm 2012 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 213b/QĐ-ĐHBK-KH,SDH&HTQT ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Quy định khen thưởng Khoa học và công nghệ hàng năm của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh phụ lục Quy định khen thưởng Khoa học và Công nghệ hàng năm của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng ban hành ngày 03 tháng 10 năm 2014. Nội dung điều chỉnh, bổ sung được ban hành kèm theo quyết định này.

Điều 2. Các điều chỉnh, bổ sung này được áp dụng kể từ ngày ký và thay thế cho những quy định trước.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính, các đơn vị và cán bộ viên chức thuộc Trường Đại học Bách khoa căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Phòng KHCN&HTQT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. ĐOÀN QUANG VINH

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀNG NĂM

(Kèm theo Quyết định số 1121 / QĐ-ĐHBK ngày 15 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng)

STT	Tên hoạt động khoa học	Đơn vị tính	Điểm đánh giá hoạt động KHCN
1	Dành cho cá nhân		
1.1	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế		
	- Tạp chí khoa học quốc tế có mã số ISSN thuộc danh mục ISI - SCIE/SSCI/A&HCI trong Web of Science	Bài báo	2,0
	- Tạp chí khoa học quốc tế có mã số ISSN thuộc danh mục ISI – ESCI và Scopus	Bài báo	1,5
	- Tạp chí khoa học quốc tế có chỉ số ISSN không thuộc danh mục ISI và Scopus: có xuất bản trực tuyến	Bài báo	1,0
	- Tạp chí khoa học quốc tế có chỉ số ISSN không thuộc danh mục ISI và Scopus: không có xuất bản trực tuyến	Bài báo	0,75
1.2	Công trình đã công bố trên các tạp chí khoa học quốc gia		
	- Tạp chí khoa học quốc gia thuộc Danh mục của Hội đồng Giáo sư nhà nước	Bài báo	Điểm cao nhất
	- Tạp chí khoa học quốc gia không thuộc Danh mục Hội đồng Giáo sư Nhà nước, có chỉ số ISSN	Bài báo	0,25
1.3	Báo cáo khoa học đăng ký yếu tại các Hội nghị, Hội thảo		
	- Báo cáo đăng trong kỷ yếu Hội nghị, Hội thảo có trong danh mục Web of Science và Scopus được tính như một bài báo khoa học.	Báo cáo	Tính bằng điểm của bài báo tương đương
	- Báo cáo đăng trong kỷ yếu Hội nghị, Hội thảo quốc tế viết bằng tiếng Anh, có phản biện, đăng toàn văn và có chỉ số ISBN	Báo cáo	1,0
	- Báo cáo đăng trong kỷ yếu Hội nghị, Hội thảo quốc gia, cấp ngành có phản biện, đăng toàn văn và có chỉ số ISBN	Báo cáo	0,5
	- Báo cáo đăng trong kỷ yếu Hội nghị, Hội thảo khác, đăng toàn văn và có ISBN	Báo cáo	0,25
1.4	Sách đã xuất bản (có quyết định công nhận sử		

	<i>dụng của Nhà trường)</i>		
	- Sách chuyên khảo	Quyển	2,0
	- Sách giáo trình	Quyển	1,5
	- Sách tham khảo, sách hướng dẫn, từ điển chuyên ngành, bài tập	Quyển	1,0
	- Sách tái bản có sửa chữa	Quyển	0,5
1.5	Kết quả ứng dụng		
	* Hợp đồng chuyển giao công nghệ do tác giả chủ trì (được ký qua các Trung tâm, Viện của nhà trường và có đóng góp % cho nhà trường, có minh chứng kèm theo)		
	- Tổng giá trị các hợp đồng trong năm có giá trị 5 tỷ VNĐ trở lên	“	2,5
	- Tổng giá trị các hợp đồng trong năm có giá trị từ 3 tỷ đến dưới 5 tỷ VNĐ	“	2,0
	- Tổng giá trị các hợp đồng trong năm có giá trị từ 1 tỷ đến dưới 3 tỷ VNĐ	“	1,5
	- Tổng giá trị các hợp đồng trong năm có giá trị từ 500 triệu đến dưới 1 tỷ VNĐ	“	1,0
	- Sản phẩm mang thương hiệu Trường ĐHBK (được Hội đồng đánh giá, xác nhận và sản phẩm được chấp nhận sử dụng làm trưng bày)	Sản phẩm	3,0
1.6	Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích được công nhận		2,0
1.7	Giải thưởng khoa học, giải thưởng chuyên ngành		
	* Giải thưởng cá nhân		
	- Quốc tế	Giải thưởng	1,5
	- Quốc gia	Giải thưởng	1,0
	- Giải thưởng thành phố/tỉnh/ngành	Giải thưởng	0,75
	* Giải thưởng cho nhóm tác giả	Giải thưởng	Lấy điểm như đối với cá nhân và chia đều cho số tác giả
1.8	Hướng dẫn luận án tiến sĩ bảo vệ thành công		
	- Hướng dẫn chính	NCS	2/3
	- Hướng dẫn phụ	NCS	1/3
1.9	Nghiệm thu thành công đề tài/dự án/chương trình NCKH (chỉ tính cho chủ nhiệm đề tài)		



	- Chương trình cấp Nhà nước	Chương trình	1,5
	- Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài	1,0
	- Đề tài cấp Bộ, tỉnh/thành phố	Đề tài	0,5
	- Đề tài cấp Đại học Đà Nẵng		
	+ Có mã số của Bộ	Đề tài	0,5
	+ Có mã số của ĐHĐN	Đề tài	0,25
	- Đề tài cấp trường	Đề tài	0,25
	- Đề tài các doanh nghiệp thực hiện 2 năm	Đề tài	0,5
	- Đề tài các doanh nghiệp thực hiện 1 năm	Đề tài	0,25
1.10	Hướng dẫn sinh viên đạt các giải thưởng về đề tài hoặc sản phẩm KHCN		
	* Cấp quốc tế:		
	- Giải Nhất	Giải thưởng	2,0
	- Giải khác	Giải thưởng	1,5
	* Cấp quốc gia, tỉnh/thành phố		
	- Giải Nhất	Giải thưởng	1,5
	- Giải khác	Giải thưởng	1,0
	* Cấp trường/Khoa		
	- Cấp trường	Giải thưởng	0,5
	- Cấp Khoa/Tiểu ban	Giải thưởng	0,25
2	Dành cho tập thể		
2.1	Điểm trung bình các hoạt động khoa học công nghệ của các giảng viên đang công tác tại đơn vị		
2.2	Tỷ lệ giảng viên hoàn thành khối lượng nghiên cứu khoa học trên tổng số giảng viên đang công tác tại đơn vị.		
	* Trên 80% - 100%	%	2,0
	* Trên 70% - ≤80%	%	1,5
	* Trên 60% - ≤70%	%	1,0
	* Trên 50% - ≤60%	%	0,5
2.3	Tổ chức, đồng tổ chức Hội thảo, Hội nghị khoa học và các hoạt động KHCN khác có Quyết định thành lập Ban Tổ chức của Trường ĐHBK hoặc của ĐHĐN, có xuất bản Kỷ yếu có chỉ số ISBN, có thông báo trên website. Đối với Hội thảo, Hội nghị quốc tế phải có Quyết định cho phép tổ chức của sở Ngoại vụ.		



	* Hội thảo, hội nghị quốc tế		
	- Qui mô từ 100 báo cáo trở lên	Hội nghị/Hội thảo	4,0
	- Qui mô từ 50 đến 100 báo cáo	Hội nghị/Hội thảo	3,5
	- Qui mô dưới 50 báo cáo	Hội nghị/Hội thảo	3,0
	* Hội thảo, hội nghị quốc gia		
	- Qui mô từ 100 báo cáo trở lên	Hội nghị/Hội thảo	3,0
	- Qui mô từ 50 đến 100 báo cáo		2,5
	- Qui mô dưới 50 báo cáo	Hội nghị/Hội thảo	2,0
	* Hội thảo, hội nghị liên ngành, ngành		
	- Qui mô từ 100 báo cáo trở lên	Hội nghị/Hội thảo	2,0
	- Qui mô từ 50 đến 100 báo cáo	Hội nghị/Hội thảo	1,5
	- Qui mô dưới 50 báo cáo	Hội nghị/Hội thảo	1,0
	* Hội thảo, hội nghị cấp trường	Hội nghị/Hội thảo	1,0

Lưu ý:

1. Đây là tiêu chí chấm điểm dành cho xét thi đua hoạt động khoa học công nghệ trong năm học của Nhà trường, không áp dụng cho các hoạt động thi đua khen thưởng và tính giờ NCKH hàng năm.
2. Các nội dung khác không thuộc các tiêu chí trên thì Hội đồng sẽ xem xét và chấm điểm.
3. Tất cả các thành tích trên đều có minh chứng đầy đủ theo các quy định hiện hành thì mới được tính điểm.
4. Các mục 1.1, 1.2 và 1.3 điểm công trình khoa học được tính như sau: Tác giả thứ nhất và tác giả liên hệ được 1/3 số điểm, 2/3 còn lại chia đều cho các tác giả kể cả tác giả thứ nhất và tác giả liên hệ. Nếu tác giả được xét đứng tên n trường thì lấy $\frac{2}{3}$ số điểm còn lại chia đều cho $(\text{số tác giả} + (n - 1))$, n là số trường tác giả được xét đứng tên.
5. Mục 1.4: Chủ biên được tính 1/5 tổng số điểm, 4/5 số điểm còn lại chia cho tất cả tác giả kể cả chủ biên theo đóng góp.
6. Mục 2.3: Trường hợp Hội thảo, Hội nghị do nhiều Khoa trong trường tổ chức thì chia đều điểm quy định cho các Khoa tham gia